

Bản án số: 118/2017/HSPT
Ngày: 03/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang;

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thương Huyền;

Bà Nguyễn Thị Bích Đào;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 110/2016/HSPT ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2), Lê Đình C, Nguyễn Đức H (H1), Nguyễn Đức H (H2) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Lê Đình L; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/7/1996 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Đình N, sinh năm 1970 và bà: Lê Thị L; sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2017 đến nay: *Có mặt tại phiên tòa*

2. Phan Trọng T (T1); tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/6/1998 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Phan Trọng V, (đã chết) và bà: Lê Thị N, sinh năm 1964; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: *Có mặt tại phiên tòa*

3. Võ Tá T (T2); tên gọi khác: không; Sinh ngày 15/01/1993 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Võ Xuân Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: *Có mặt tại phiên tòa*

4. Lê Đình C; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/01/2000 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Học sinh (lớp 11 Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện L, tỉnh Hà Tĩnh); Con ông: Lê Đình C, sinh năm 1962 và bà: Lê Thị H; sinh năm 1967; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự:

không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: *Có mặt tại phiên tòa*

5. Nguyễn Đức H (H1); tên gọi khác: không; Sinh ngày 13/6/1995 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Đức L, sinh năm 1962 và bà: Phan Thị B, sinh năm 1965; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: *Có mặt tại phiên tòa*

6. Nguyễn Đức H (H2); tên gọi khác: không; Sinh ngày 08/3/1997 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn S, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Đức C, (đã chết) và bà: Phan Thị T; sinh năm 1970; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: *Có mặt tại phiên tòa*

*** Bị cáo không kháng cáo:**

Trần Đình D; tên gọi khác: không; Sinh ngày 18/12/1996 tại xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh: *Vắng mặt tại phiên tòa*

*** Người bị hại không kháng cáo:**

1. Anh Trần Xuân H; Sinh năm 1991; Trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh: *Có mặt tại phiên tòa*

2. Anh Nguyễn Đình T; Sinh năm 1997; Trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh: *Vắng mặt tại phiên tòa*

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Đình C:

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1967; Trú quán: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Quan hệ với bị cáo Lê Đình C là: mẹ đẻ. *Có mặt tại phiên tòa*

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Ông Lê H, ông Nguyễn Đình G- Luật sư Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh bào chữa cho bị cáo Lê Đình L: *Ông H có mặt, ông G vắng mặt tại phiên tòa.*

+ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1985. Trợ giúp viên pháp lý-TT trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh bào chữa cho bị cáo Lê Đình C: *Có mặt tại phiên tòa*

+ Bà Trịnh Diệu O, sinh năm 1983. Trợ giúp viên pháp lý-TT trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh bào chữa cho bị cáo Phan Trọng T: *Có mặt tại phiên tòa*

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 30/8/2017 của TAND huyện L thì vụ án có nội dung như sau: Vào khoảng 21 giờ ngày 06/01/2017 Lê Đình L cùng với Trần Đình D, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2), Lê Đình C, Nguyễn Đức H (H1), Nguyễn Đức H (H2), Nguyễn Xuân H (H4) đến quán ốc của chị Lê Thị P ở thôn T, xã T, huyện L để uống rượu. Khi đến quán ốc nhóm của L gặp một nhóm thanh niên khác gồm: Nguyễn Văn H (H5), Lê Tiến Q, Trần Xuân H (H3), Nguyễn Đình T (T3), Trần Văn K cũng đang ngồi uống rượu tại đây. Đến khoảng 21 giờ 30 phút thì Nguyễn Xuân H (H4) đau bụng nên đi về trước, còn những người khác vẫn tiếp tục ngồi uống rượu tại quán. Do có quen nhau từ trước giữa Nguyễn Văn H (H5) và Trần Đình D nên giữa hai bên có qua lại mời rượu nhau, được một lúc thì giữa H5 và D xảy ra mâu thuẫn, to tiếng với nhau nên bị chị P đuổi ra khỏi quán. Do chỉ có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave anpha màu đỏ của H5 nên T3 mượn chiếc xe này chở H3 đi về xã T còn H5, Q, K vẫn ở lại quán. Khi đó nhóm của L đi về và ngồi chơi trước quán internet H ở thôn Đ, xã M. Tại đây D đưa tiền bảo C đi mua

nước để uống. Do đã khuya, các quán tạp hóa ở xã M đều đóng cửa, nên C đi lên xã T để mua nước uống. Lúc này tại thị trấn T, H5, Q, K đi bộ ra phía hiệu sách huyện L đối diện quán Đ để chờ T3 quay lại trả xe máy, thì thấy C. Nghi ngờ C đi “thăm dò” xem nhóm mình đã về chưa để chặn đánh nên H5, Q và K đã lấy 03 chiếc gậy tre ở bên đường làm hung khí chống trả nếu bị đánh. Khi C quay về qua quán Đ thì nhìn thấy H5, Q, K đang cầm gậy đứng ở bên đường. Nghĩ là nhóm của H5 đang đứng chờ để chặn đánh nhóm của mình, nên C về nói với cả nhóm: “*mấy thằng lúc này đang cầm gậy đứng ở trên đó*”. Khi nghe C nói như vậy thì cả nhóm đều bức xúc, T1 liền nói lại với cả nhóm: “*Lên ta xem thế nào*” (ý nói quay lại xã T để tìm đánh nhóm của H5) thì cả nhóm đều đồng ý. T2 điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave an pha màu trắng-đen-bạc BKS 38L1-114.55 của Trần Đình D chở theo D, T1, L; còn C điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Cup của gia đình chở theo H1 và H2. Trên đường đi T2 chủ động tháo thắt lưng ra cầm trên tay để làm hung khí đánh nhau. Khi đi đến trước cổng trường THCS M thì bị H5, Q, K xông vào đánh nên T2 và C dừng xe lại cho đồng bọn xuống xe. T1 giật lấy thắt lưng từ tay T2 và nói: “*đưa thắt lưng đây, tao mượn*”, L cũng tháo thắt lưng của mình ra để làm hung khí, thì nhóm của H5 bỏ chạy nên nhóm của L không đuổi đánh được. Lúc này D giật lấy thắt lưng từ tay L và nói: “*đưa đây tao đập cho!*”, còn L thì nhặt bên lề đường một nửa viên gạch “táp lô” để làm hung khí, rồi cả nhóm quay lại và lên xe tiếp tục đi tìm nhóm của H5. Về phía H3 và T3 khi về đến khu vực vòng xuyên X, xã T, thấy lúc này trời đã khuya (khoảng 23 giờ) nên cả hai đã thống nhất và quay lại quán ốc để chờ T3 về luôn. Lúc này do đi quá đường nên khi quay lại đến ngã tư trước trường THPT M thì xe T3 điều khiển bị chết máy và cả hai người cúi xuống để kiểm tra xe. Cùng lúc này xe do C điều khiển vượt qua hướng ra đường X, còn xe do T2 điều khiển đi sau thì phát hiện ra H3 và T3 là những người lúc trước ngồi cùng bàn uống rượu với H5. Nghĩ là H3 và T3 được H5, Q, K gọi lên để đánh nhóm mình, Thế liền nói “*nhìn hai thằng này quen quen*” còn T1 nói “*đây rồi!*”. Nghe vậy T2 chủ động dừng xe lại để L, D, T1 xuống xe đồng thời gọi C, H1, H2 quay lại. Khi vừa xuống xe thì L, T1, D chạy lại phía H3 và T3. L đứng gần đối diện đầu xe tay cầm một nửa viên gạch đánh trúng vào đầu của T3 một phát làm gạch rơi xuống đường, D dùng thắt lưng đánh một phát trúng vào mặt của H3, còn T1 dùng chân đạp vào xe khiến cả H3 và T3 cùng xe ngã xuống đường. Tiếp đó D và T1 dùng thắt lưng (lúc này thắt lưng T1 dùng không còn mặt) đánh nhiều phát về phía H3 và T3, còn L nhặt bên lề đường một chiếc gậy gỗ dài khoảng 60cm tiếp tục đánh nhiều phát vào người H3 và T3, chủ yếu trúng vào vùng đầu và vùng mặt của H3 và T3 khiến 2 người bất tỉnh. Khi C, H1, H2 quay lại thì thấy H3 và T3 đang bị L, D, T1 đánh nhưng không thấy H3 và T3 phản kháng gì, trên mặt máu chảy ra nhiều sợ đánh tiếp sẽ nguy hiểm đến tính mạng của H3 và T3 nên không tham gia đánh. Lúc này T2 nói: “*thôi, thôi!*”, còn H1 nói: “*L ơi đừng đánh nữa, đánh nữa chết người đó*”, nên cả nhóm không ai đánh nữa mà đi về. Sau khi tỉnh lại thấy H3 nằm bất tỉnh, máu chảy nhiều ở mặt nên T3 sợ và khóc, thì anh Lê Văn Đ và anh Lê Văn Đ đang ngủ trong các ki ốt bên đường nghe và đi ra thấy H3 và T3 bị thương đang nằm bên đường. Hai người đã dìu H3 lên xe máy để T3 chở H3 đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện L, do bị thương nặng nên H3 được chuyển lên cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 07/01/2017 đến ngày 23/01/2017 thì ra viện.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lê Đình L,

Trần Đình D, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2), Lê Đình C, Nguyễn Đức H (H1), Nguyễn Đức H (H2) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46-BLHS 1999 xử phạt Lê Đình L 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 24/ 3/ 2017.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46-BLHS 1999 xử phạt Phan Trọng T (T1) 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47-BLHS 1999 xử phạt Trần Đình D 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47-BLHS 1999 xử phạt Võ Tá T (T2) 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47-BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Đức H (H1) 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47-BLHS 1999 xử phạt Nguyễn Đức H (H2) 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104-BLHS năm 1999; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74-BLHS 1999 xử phạt Lê Đình C 30 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 08/9/2017 các bị cáo Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Đình C xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, các bị cáo Nguyễn Đức H (H1), Nguyễn Đức H (H2) kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 13/9/2017 bị cáo Lê Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Về tội danh và điều luật áp dụng của bản án sơ thẩm là đúng, không có ý kiến gì đối với tỷ lệ thương tật của người bị hại.

Luật sư L: Đề nghị HĐXX xem xét vai trò của bị cáo Lê Đình L, vì nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, người khởi xướng cũng như người kích động đều không phải là do bị cáo L. Do đó theo đánh giá tại bản án sơ thẩm là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đình L. Bị cáo Lê Đình L trong vụ án này có nhiều tình tiết giảm nhẹ cần xem xét như: Bị cáo phạm tội lần đầu, từ trước đến nay bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và của chính quyền địa phương. Gia đình bị cáo có người có công với cách mạng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; thường xuyên túc trực chăm sóc người bị hại. Bên cạnh đó, tại phiên tòa hôm nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và chính quyền địa phương cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét xét xử bị cáo dưới khung hình phạt cũng đủ giáo dục bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bà Đinh Thị H cho rằng: Đồng tình với bản án của Tòa án nhân dân huyện L về tội danh và điều, khoản áp dụng nhưng về mức hình phạt là quá

cao đối với bị cáo Lê Đình C. Trong vụ án khi về gặp nhóm tại xã M, C nói với mọi người là có mấy thằng cầm gậy trên đó chỉ mang tính chất thông báo chứ không phải là kích động hay rủ rê các bị cáo khác đi đánh nhau gây thương tích. Khi tham gia, bị cáo chỉ là người đi theo không trực tiếp đánh anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3). Thời điểm phạm tội bị cáo Lê Đình C chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa đầy đủ và áp dụng hình phạt tù sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của bị cáo C. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 91-BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69, Điều 74-BLHS tuyên cho bị cáo một mức án phù hợp và không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bà Trịnh Diệu O cho rằng: Trong vụ án này, vết thương của anh Trần Xuân H (H3) là do vật cứng gây ra còn bị cáo Phan Trọng T (T1) chỉ dùng thắt lưng nhưng đã bị mất đầu thắt lưng nên không thể gây ra hậu quả đó. Bên cạnh đó, bị cáo đã cùng với gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại và chính quyền địa phương xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo, bố mất sớm, mẹ đau ốm và đang còn hai em đang độ tuổi đi học, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm b, p khoản 1, 2 điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích chất hành vi, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T và Võ Tá T, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Đình C; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức H (H1) và Nguyễn Đức H (H2) sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo C, H1 và H2 được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T, Võ Tá T, Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Điều đó đã khẳng định bản án sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, thể hiện ý thức coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong vụ án này, Lê Đình L là người thực hiện hành vi nguy hiểm nhất, đã trực tiếp dùng gạch tấp lò đánh vào đầu của Nguyễn Đình T (T3) sau đó nhặt một chiếc gậy gỗ bên đường dài khoảng 60cm tiếp tục đánh nhiều phát vào vùng đầu và vùng mặt

anh H3 và anh T3. Đối với Phan Trọng T (T1), sau khi nghe bị cáo Lê Đình C thông báo thì bị cáo T1 đã chủ động nói với các bị cáo khác là lên “*ta xem thế nào*” (ý là nói quay lại xã T để tìm đánh nhóm H5) mặc dù giữa bị cáo T1 và nhóm của H5 không có mâu thuẫn gì. Mặt khác, khi gặp anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3), bị cáo T1 đã nói “*đây rồi*” để thể hiện anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3) là người của nhóm H5. Điều này thể hiện bị cáo Phan Trọng T (T1) là người khởi xướng, kích động và là người khẳng định anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3) là người cần phải đánh. Bị cáo Phan Trọng T (T1) cũng đã dùng thắt lưng đánh anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3). Đối với bị cáo Võ Tá T (T2), tuy không trực tiếp gây thương tích cho anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3) nhưng bị cáo T2 đã tham gia với vai trò giúp sức tích cực: Bị cáo T2 là người điều khiển xe chở các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Trần Đình D đi tìm nhóm của H5 để đánh, khi gặp anh H3, anh T3, T2 là người gọi báo cho C, H1 và H2 quay lại, bị cáo T2 là người chủ động tháo thắt lưng ra để làm hung khí và đưa cho T1 đánh gây thương tích cho anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3). Điều này thể hiện các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2) coi thường pháp luật, coi thường tính mạng sức khỏe của người khác. Vì vậy, mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2) là hoàn toàn phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đã lên một mức án phù hợp. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1) và Võ Tá T (T2).

Đối với Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 tham gia trong vụ án này đều với vai trò thứ yếu, giúp sức về mặt tinh thần, không trực tiếp đánh anh Trần Xuân H (H3) và anh Nguyễn Đình T (T3). Đối với Nguyễn Đức H1 khi đi đến thấy các bị cáo L, T1, D đánh anh H3 và anh T3 bị thương đã đứng ra can ngăn. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, các bị cáo vận động gia đình bồi thường cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; chính quyền địa phương xã M cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Đình C chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Xét thấy, các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định. Do đó không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, nhằm thể hiện sự khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về hình phạt có lợi hơn quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy cần áp dụng thêm điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2) không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248, điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2). Giữ nguyên nội dung quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo L, T1 và T2.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Đình C; Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Đức H (H1) và Nguyễn Đức H (H2). Sửa bản án sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2), Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Lê Đình L 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 24/3/2017.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Phan Trọng T (T1) 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Võ Tá T (T2) 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Nguyễn Đức H1 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Nguyễn Đức H2 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt Lê Đình C 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 cho UBND xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lê Đình L, Phan Trọng T (T1), Võ Tá T (T2) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT; các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- VKSND, TAND huyện Lộc Hà;
- Công an huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- Bị cáo; người bị hại
- Văn thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Đức Quang